

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25-7-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Bùi Thị Nhàn
- Ông Vũ Văn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn Da, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn B; nơi cư trú: Thôn D, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Chị và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 9 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Lê Thiện, huyện An

Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng Nng hai bên không cải thiện được mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng. Mâu thuẫn đã được hòa giải Nng không có kết quả. Mâu thuẫn nghiêm trọng nên hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2023, không còn quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn B có ba con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 05/8/2013, Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2017 và Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/11/2021. Từ khi hai bên ly thân con chung Trần Thị Thủy T do chị nuôi dưỡng, con chung Trần Đăng K, Trần Quốc B do anh B nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Thị Thủy T cho chị nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đăng K, Trần Quốc B cho anh B nuôi dưỡng sau ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B: Anh B đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề anh B đến Tòa án giải quyết việc chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, tài sản chung Nng anh B đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm gửi Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn B. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/11/2021 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đăng K, sinh ngày 05/8/2013, Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2017 cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn B có nơi cư trú: Xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị N, anh B vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh B vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Anh B không có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị N, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn B.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B có ba con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 05/8/2013, Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2017 và Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/11/2021. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đề nghị Tòa án giao con chung Trần Thị Thủy T cho chị nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đăng K, Trần Quốc B cho anh B nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận. Anh B không có quan điểm về nuôi con chung cũng N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cả chị N và anh B đều có việc làm, thu nhập. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của đương sự, nguyện vọng con chung Trần Đăng K muốn ở với anh B để đảm bảo quyền lợi cho con chung, giao con chung Trần Thị Thủy T cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đăng K, sinh ngày 05/8/2013, Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2017 cho anh B nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Trần Văn B không có quan điểm về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B có ba con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 05/8/2013, Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2017 và Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/11/2021. Giao con chung Trần Thị Thủy T cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đăng K và Trần Quốc B cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp (biên lai thu tiền số 0008424 ngày 26 tháng 4 năm 2024) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Lê Thiện (ĐKKH số 72/2013);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**